

CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

*Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25/2021/ĐHĐCĐ-CFC,
ngày 17 tháng 7 năm 2021*

CÔNG TY CP CAFICO VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cam Ranh, ngày 02 tháng 8 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cafico Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25/2021/ĐHĐCĐ-CFC ngày 17 tháng 7 năm 2021,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cafico Việt Nam.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cafico Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

a) *Quản trị công ty*: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

b) *Công ty*: là Công ty Cổ phần Cafico Việt Nam.

c) *Điều lệ*: là Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d) *Cổ đông*: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

đ) *Đại hội đồng Cổ đông*: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

e) *Người có liên quan*: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán.

g) *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

h) *Thành viên Hội đồng quản trị độc lập*: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2, Điều 151 Luật doanh nghiệp.

i) *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn. (Điều 4.24-LDN)

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP HỌP VÀ BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc mua bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại Điều 17, khoản 1 hoặc Điều 13, khoản 4 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Lập xong danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông trước ngày tổ chức kỳ họp ít nhất ba mươi (30) ngày, thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày chốt danh sách.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 21 ngày trước ngày tổ chức kỳ họp. Chương trình kỳ họp, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại kỳ họp được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 8. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày

làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây :

- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Điều 9.3 trên đây, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây :

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi kỳ họp được triệu tập lại.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức kỳ họp Đại hội đồng cổ đông Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được uỷ quyền và số phiếu được quyền biểu quyết của họ tương ứng với số cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ và số cổ phần được uỷ quyền. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong kỳ họp.

3. Cổ đông đến dự kỳ họp Đại hội đồng cổ đông muộn, có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại kỳ họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng kỳ họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 11. Điều kiện tiến hành

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành họp khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc kỳ họp, người triệu tập huỷ kỳ họp. Kỳ họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức kỳ họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Kỳ họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp kỳ họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc kỳ họp. Đại hội đồng cổ đông họp lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành kỳ họp lần hai, và trong trường hợp này kỳ họp Đại hội đồng được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 12. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Ngoài các trường hợp theo khoản 2 điều này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

Điều 13. Cách thức bỏ phiếu

Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại kỳ họp, các cổ đông và người đại diện dự họp biểu quyết bằng thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết được phát sẵn cho mỗi cổ đông hoặc người đại diện dự họp có các thông tin : người dự họp, số phiếu biểu quyết (Mỗi cổ phần sở hữu tương ứng 01 phiếu) .

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải thực hiện bầu trực tiếp bằng phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông được phát một Phiếu bầu cử có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 3 người theo đề nghị của chủ tọa kỳ họp để kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu.

Khi tiến hành biểu quyết tại kỳ họp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được ban kiểm phiếu báo cáo và chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

Đối với bầu cử thành viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ban kiểm phiếu bầu cử lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu trước kỳ họp theo quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng thông qua tại kỳ họp.

Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát là những người có số phiếu được bầu lần lượt từ cao xuống thấp đến khi đủ số lượng thành viên. Trường hợp có hơn một người có số phiếu trúng cử thấp nhất bằng nhau, người nào có số cổ phần sở hữu cao hơn thì người đó trúng cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là

hợp lệ, ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập họp theo đúng trình tự và thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty hoặc vấn đề được thông qua không có trong chương trình kỳ họp.

Điều 16. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp)

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây :

1. Trình tự và thủ tục triệu tập kỳ họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định ở Điều 15.7 Quy chế này.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 17. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản kỳ họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa kỳ họp và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Người chủ trì kỳ họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kỳ họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

Điều 18. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời gian 24 giờ kể từ khi thông qua quyết định của kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nghị quyết, biên bản kỳ họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Công ty phải thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện sau:

Trang thông tin điện tử của Công ty (website);

Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của Sở GDCK Hà Nội thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội.

CHƯƠNG III
THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN,
THÔNG QUA HỌP TRỰC TUYẾN, BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

Điều 19. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Ngoài các trường hợp theo khoản 1 điều này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trình tự, thủ tục họp để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định sau đây :

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây :

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

Công ty có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến. Trình tự, điều kiện tiến hành, cách thức cổ đông đăng ký tham dự, cách thức tổ chức họp sẽ được Hội đồng quản trị hướng dẫn và có quy chế tổ chức kỳ họp khi chuẩn bị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Bổ nhiệm, giám sát và bãi nhiệm Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị và quyết định mức lương của họ;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

đ) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

e) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi của Công ty;

i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- k) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn :
- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c) Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty, (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh), các khoản đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị trên 20% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - đ) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - e) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - g) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - h) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 23. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 24. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1. Có hành vi năng lực đầy đủ, không thuộc đối tượng không có quyền quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và là cổ đông của Công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 25. Đề cử, ứng cử, giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; và từ 50% trở lên thì được đề cử tối đa (04) ứng viên.

2. Người được đề cử vào Hội đồng quản trị là cổ đông của công ty.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện bầu trực tiếp theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử là những người có số phiếu được bầu lần lượt từ cao xuống thấp đến khi đủ số lượng thành viên. Trường hợp có hơn một người có số phiếu trúng cử thấp nhất bằng nhau, người nào có số cổ phần sở hữu cao hơn thì người đó trúng cử.

2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra kỳ họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau :

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Thành viên đó không còn sở hữu cổ phiếu, không còn là cổ đông của Công ty.

2. Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên có quyền đề nghị Đại hội đồng cổ đông (kỳ họp gần nhất) xem xét tư cách đối với thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tín nhiệm hoặc không còn đủ điều kiện làm thành viên. Quyết định bãi nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua với số phiếu 51% trở lên trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại kỳ họp. Việc đề nghị của Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được tiến hành bằng văn bản.

3. Hội đồng quản trị có thể bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ sung thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra kỳ họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thông báo đến cổ đông trong chương trình gọi kèm thông báo mời họp hoặc đăng tải trên website của Công ty trước kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được đăng tải trên website của Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

Điều 29. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao, tiền lương cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao, tiền lương cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao, tiền lương này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả thù lao, tiền lương cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm hiệu quả, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền, phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có

số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì thành viên có số cổ phần sở hữu cao nhất trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

4. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn :

- a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 5 Điều này đây phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 5 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

7. Kiểm soát viên được mời dự cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba (03) thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp.

10. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 32. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

3. Theo quy định tại khoản 2 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng.

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên. (Điều 153.4 LDN)

Điều 33. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản, mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

3. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại theo Điều 31.10 được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 34. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

CHƯƠNG V **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 35. Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Các kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

3. Ban kiểm soát bầu một thành viên trong số họ làm trưởng ban tại phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì thành viên có số cổ phần sở hữu cao nhất trong số họ triệu tập họp ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau :

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu như sau :

a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;

b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

d) Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;

đ) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

e) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

5. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

6. Mức thù lao, tiền lương cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Ban kiểm soát theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn

và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Điều 36. Đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a) Các cổ đông có quyền gộp số cổ phần biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có tỷ lệ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; và từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên. Người được đề cử vào Ban kiểm soát là cổ đông của công ty.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện bầu trực tiếp theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát; cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử là những người có số phiếu được bầu lần lượt từ cao xuống thấp đến khi đủ số lượng thành viên. Trường hợp có hơn một người có số phiếu trúng cử thấp nhất bằng nhau, người nào có số cổ phần sở hữu cao hơn thì người đó trúng cử.

Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

1. Kiểm soát viên không còn tư cách trong các trường hợp sau :

a) Bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;

b) Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d) Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng 06 tháng liên tục, không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Kiểm soát viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Kiểm soát viên đó không còn sở hữu cổ phiếu, không còn là cổ đông của công ty.

2. Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên có quyền đề nghị Đại hội đồng cổ đông (kỳ họp gần nhất) xem xét tư cách đối với Kiểm soát viên không còn đủ tín nhiệm hoặc không còn đủ điều kiện làm Kiểm soát viên. Quyết định bãi nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua với số phiếu 51% trở lên trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt tại kỳ họp. Việc đề nghị của Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được tiến hành bằng văn bản.

3. Công ty thực hiện thông báo việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên trên trang thông tin điện tử của Công ty (website) và công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội theo quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 38. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Mức thù lao, tiền lương cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Ban kiểm soát theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 39. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật, là người điều hành chung của Công ty.

Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 41. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị

đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cưỡng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác, sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Công ty có quyền trả tiền lương cho Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Điều 42. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng giám đốc, trên cơ sở nội dung hợp đồng lao động được Hội đồng quản trị thông qua (*hợp đồng lao động quy định quyền hạn, nhiệm vụ, mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác*) Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động và quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm cơ bản sau :

a) Thực hiện sự phân công và ủy nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo văn bản phân công và theo quy chế này.

b) Theo sự phân công và cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty mà quy định không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d) Tham khảo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

đ) Trước sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

e) Thực thi kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc (nếu có) và pháp luật.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 43. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả các cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ mời Trưởng ban kiểm soát, đại diện Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các thành viên được mời họp có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Trưởng ban kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

2. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban giám đốc tham gia để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất 03 ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho các thành viên được mời dự họp trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

3. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát tham gia để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất 03 ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho các thành viên được mời dự họp trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 44. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Bản sao các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Trưởng ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong thời hạn 05 ngày làm việc sau

khi cuộc họp kết thúc, cùng thời điểm với cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 45. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Khi có đề nghị họp Hội đồng quản trị của Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp bất thường, không được trì hoãn, nếu không có lý do chính đáng. Đề nghị phải được lập bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và những vấn đề cần bàn.

Những vấn đề chủ yếu cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị là những vấn đề có liên quan đến trách nhiệm và các xung đột về quyền lợi hoặc trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 46. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Theo định kỳ 06 tháng hoặc 01 năm, Tổng giám đốc phải đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban giám đốc cũng như các cán bộ quản lý khác thuộc quyền của Tổng giám đốc báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 47. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Yêu cầu của Ban kiểm soát phải được làm bằng văn bản có chữ ký của Trưởng ban kiểm soát.

Ngoài ra, Tổng giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của công ty theo định kỳ.

3. Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo của Công ty.

Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phải được gửi đến Hội đồng quản trị để báo cáo.

Điều 48. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và thành viên Ban giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin với nhau theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và nhiệm vụ chung.

2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và thành viên Ban giám đốc có thể thông tin ngay (gặp trực tiếp, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả 3 người để được giải quyết nhanh chóng.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HÀNG NĂM, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 49. Phương thức và tiêu chí đánh giá cán bộ.

Hội đồng quản trị sẽ ban hành các quy định về phương thức và tiêu chí đánh giá thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác để tiến hành xem xét đánh giá hàng năm phù hợp với từng thời điểm hoạt động của Công ty.

Điều 50. Khen thưởng và kỷ luật.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc quyền bổ nhiệm. Đối với các chức danh thuộc quyền bầu cử của Đại hội đồng cổ đông thì hàng năm Hội đồng quản trị sẽ xem xét, đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định khen thưởng hoặc đánh giá và xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty phù hợp với pháp luật.

Điều 52. Hiệu lực thực hiện

1. Bản Quy chế này gồm có 9 Chương và 52 Điều được Hội đồng quản trị ban hành sau khi Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt theo Nghị quyết kỳ họp ngày 17 tháng 7 năm 2021.

2. Bản Quy chế này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký, thay thế Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành theo Nghị quyết số 12/2018/ĐHĐCĐ-CFC ngày 31 tháng 3 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAFICO VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN QUANG TUYẾN